TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **06**/2026/QĐST-LĐ	*Đồng Nai, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng Lao động vô hiệu"
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hường.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên họp: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 85/2026/TLST-VLĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*" theo Quyết định mở phiên họp số 97/2026/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1973;

Căn cước công dân số: 049173015822 cấp ngày 12/01/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H1, thành phố Đồng Nai.

Số điện thoại: 0387.765.300.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1965;

Căn cước công dân số: 075165010709 cấp ngày 22/8/2025 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H1, thành phố Đồng Nai

Số điện thoại: 0933.517.187

- **Công ty Cổ phần H2**;

Địa chỉ: Ấp Hưng Long, xã H1, thành phố Đồng Nai

- **Bảo hiểm xã hội T1**;

Địa chỉ: Đường Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố 1, phường T2, thành phố Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Triều Dương – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hải – Phó Giám đốc.

(Bà N, bà T và Bảo hiểm xã hội T1 có đơn xin vắng mặt; Công ty Cổ phần H2 vắng mặt tại phiên họp không có lý do).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 23/4/2026, bản tự khai và đơn xin vắng mặt người yêu cầu bà Phạm Thị N trình bày:

Một phần vì thiếu hiểu biết và do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà có cho bà Trần Thị T mượn hồ sơ gồm các giấy tờ: chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, hộ khẩu, sơ yếu lý lịch để bà T đi làm vì bà T không đủ điều kiện để làm hồ sơ xin việc làm.

Trong quá trình lao động, bà T đã tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) tại Công ty cổ phần H2 từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2010 theo số sổ BHXH 4707154729 và đã hưởng trợ cấp BHXH một lần.

Bà N có 03 mã số BHXH là 4707154729, 7524900578 và số 4706046040 trùng thời gian tham gia từ tháng 01/2009 đến tháng 07/2009.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng không số tham gia lao động từ tháng 5/2007 đến tháng 06/2010 tại Công ty cổ phần H2 của bà Trần Thị T (sử dụng tên của bà Phạm Thị N) là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Hiện nay bà bận việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:

Bà T cùng trình bày nội dung nêu trên với bà N.

Hiện nay bà bận việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

** Tại bản trình bày ý kiến trong quá trình tố tụng, và biên bản làm việc ngày 16/4/2026, tại Bảo hiểm xã hội T1 thể hiện:*

Tháng 05/2007, bà Phạm Thị N có cho bà Trần Thị T mượn hồ sơ để đi làm và có tham gia BHXH tại Công ty Cổ phần H2 từ tháng 05/2007 đến tháng 06/2010, được cấp sổ BHXH mã số 4707154729 và đã hưởng trợ cấp BHXH một lần.

Qua tra cứu dữ liệu của ngành BHXH, bà Phạm Thị N, sinh năm 1973, mã số BHXH 4707154729 có quá trình đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Công ty Cổ phần H2 từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2010 (3 năm 2 tháng).

Ý kiến của BHXH T1: Bà Phạm Thị N cho bà Trần Thị T mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: *Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, như vậy đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi pham nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Vì bận công việc nên ông Nguyễn Văn Hải – Phó Giám đốc BHXH T1 đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần H2 đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên họp nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

** Tại Công văn số 216/VHXH-LĐVL ngày 21/4/2026, của Phòng Văn hóa – Xã hội có ý kiến như sau:*

Bà Trần Thị T là người giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần H2 (hiện đã ngưng hoạt động) có địa chỉ tại ấp Hưng Long, xã H1, tỉnh Đồng Nai dưới tên bà Phạm Thị N là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động và Điều 10 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Tại khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định: "Các vấn đề khác liên quan đến việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự".

Căn cứ vào Biên bản làm việc lúc 14h00 phút ngày 16/4/2026 của Bảo hiểm xã hội T1.

Giữa bà N và Công ty Cổ phần H2 (thời điểm tháng 5/2007 đến tháng 6/2010) thực chất không xác lập quan hệ lao động. Việc bà Trần Thị T là người giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần H2 dưới tên bà Phạm Thị N là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự tại các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với người yêu cầu - bà Phạm Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội T1, bà Trần Thị T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty Cổ phần H2 vắng mặt không có lý do tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ việc và lời trình bày của các đương sự thể hiện:

Từ tháng 05/2007 đến tháng 06/2010, người lao động mang tên Phạm Thị N có ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty Cổ phần H2. Trong thời gian đi làm, người lao động mang tên Phạm Thị N có tham gia đóng bảo hiểm xã hội được cấp sổ BHXH mã số 4707154729. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần H2 nêu trên là bà Trần Thị T – chị chồng của bà Phạm Thị N. Nguyên nhân do vì thiếu hiểu biết pháp luật và do hoàn cảnh kinh tế của bà T khó khăn, bà T không đủ điều kiện để làm hồ sơ xin việc làm nên bà N có cho bà T mượn hồ sơ để bà T đi làm.

Xét thấy, việc bà Trần Thị T lấy tên Phạm Thị N để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 6, 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm nguyên tắc trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động 2012; khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động 2019 thì đây là trường hợp Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó, bà Phạm Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động do bà Trần Thị T (mượn tên bà Phạm Thị N) với Công ty Cổ phần H2 khoảng thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2010 là vô hiệu là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai là có căn cứ, phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, 7, 9, 26, 28 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17, Điều 19 và Điều 50, 51 Bộ luật Lao động 2012; Điều 15, Điều 16 và Điều 49, Điều 50, Điều 220 Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị N về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*".

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Phạm Thị N ký với Công ty Cổ phần H2 giai đoạn từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2010 (nhưng thực tế người ký kết là bà Trần Thị T) với mã số Bảo hiểm xã hội 4707154729 là vô hiệu.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010948 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Bà Phạm Thị N và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, TP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hường